

Số: 971 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0882.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Phong Nẫm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 12/11/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 12/11/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	50	13/11/2019
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	13/11/2019
3	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	2,23	3	12/11/2019
4	Asen tổng số (mg/L)	Phản ứng màu Mercury(II) bromide	0,00	0,01	12/11/2019
5	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,8	4	12/11/2019
6	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,37	0,3 - 0,5	12/11/2019
7	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	20,00	300,00	12/11/2019
8	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	240,00	350,00	12/11/2019
9	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,12	5	12/11/2019
10	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	3,62	15	12/11/2019
11	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/11/2019
12	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,25	6,0 - 8,5	12/11/2019
13	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,03	0,5	12/11/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

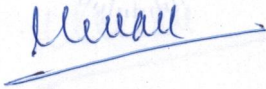
Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM ĐẦU NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0882.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

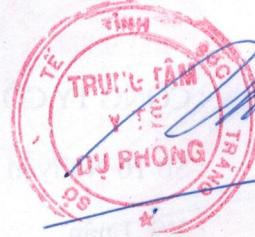
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM



THS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 11 năm 2019

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliform tổng số (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1301 (E) (*)	0	50	13/11/2019
2	Escherichia coli (E. coli) (CFU/100ml)	ISO 9308 - 1301 (E) (*)	0	0	13/11/2019
3	Amoniac (mg/L)	US - RPA - 3501 - 1997	2.23	0	13/11/2019
4	Azot tổng số (mg/L)	Phân ứng màu Metenyl (II)	0.00	0.01	13/11/2019
5	Chloride (mg/L)	TCVN 8166 - 1996 (*)	0.8	4	13/11/2019
6	Cu (mg/L)	SMWW 4400 - C1 - 2012	0.37	0.5 - 0.5	13/11/2019
7	Chlorine (mg/L)	SMWW 4500 - C1 - B - 2012 (*)	20.00	200.00	13/11/2019
8	Hệ số cứng tổng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMWW 2340C - 2012 (*)	240.00	350.00	13/11/2019
9	Độ đục (NTU)	SMWW 2130A - 2012	0.12	5	13/11/2019
10	Độ màu (màu sắc) (PCU)	SMWW 2120C - 2012 (*)	3.62	15	13/11/2019
11	Metal vi	Cân định	Không có một vi là	Không có một vi là	13/11/2019
12	pH	TCVN 6572:2011 (*)	7.25	6.0 - 8.5	13/11/2019
13	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMWW 2510 B - B - 2012	0.03	0.5	13/11/2019

Số: 972 /XN-DP

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã số mẫu: 0883.19



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ : Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người lấy mẫu : YS. Luân

Địa điểm lấy mẫu : Nguyễn Duy Khiêm, ấp Phong Thạnh, xã Phong Năm, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày lấy mẫu : 12/11/2019

Tên mẫu : NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN

Lượng mẫu : 1,5L x 2 + 500mL x 2

Ngày nhận mẫu : 12/11/2019

Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 500mL, không bổ sung hoá chất cố định.

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Coliforms tổng số (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	50	13/11/2019
2	Escherichia coli (CFU/100mL)	ISO 9308 - 1:2014 (E) (*)	0	0	13/11/2019
3	Amoni (mg/L)	US - EPA - 350.2 - 1997	2,67	3	12/11/2019
4	Asen tổng số (mg/L)	Phản ứng màu Mercury(II) bromide	0,00	0,01	12/11/2019
5	Chỉ số pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186- 1996 (*)	0,72	4	12/11/2019
6	Clo dư (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl F-2012	0,37	0,3 - 0,5	12/11/2019
7	Clorua (mg/L)	SMEWW 4500 - Cl ⁻ B - 2012 (*)	18,00	300,00	12/11/2019
8	Độ cứng tổng cộng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	SMEWW 2340C - 2012 (*)	240,00	350,00	12/11/2019
9	Độ đục (NTU)	SMEWW 2130B - 2012	0,16	5	12/11/2019
10	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMEWW 2120C - 2012 (*)	4,14	15	11/12/2019
11	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	12/11/2019
12	pH	TCVN 6492:2011 (*)	7,40	6,0 - 8,5	12/11/2019
13	Sắt tổng cộng (mg/L)	SMEWW 3500 Fe - B - 2012	0,06	0,5	12/11/2019

(*) Phép thử này đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

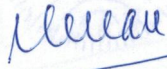
Nhận xét: Mẫu NƯỚC NGẦM CUỐI NGUỒN được xét nghiệm có các chỉ tiêu đạt theo QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y Tế ban hành.

Mã số mẫu: 0883.19

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
-----	----------	-------------	---------	------------	-----------------

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm.

TRƯỜNG KHOA XÉT NGHIỆM



ThS. QUÁCH VĨNH THUẬN

Sóc Trăng, ngày 25 tháng 11 năm 2019

GIÁM ĐỐC



BS. Nguyễn Đình Thanh Liêm

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày xét nghiệm
1	Chlorine tổng (mg/L)	ISO 9308 - 1:2007 (E) (*)	0	30	13/11/2019
2	Fluoride tổng (mg/L)	ISO 9308 - 1:2007 (E) (*)	0	0	13/11/2019
3	Amoniac (mg/L)	IS 174 - 3503 - 1997	5,67	1	13/11/2019
4	Asen tổng (mg/L)	Phân tích bằng Mercury (H)	0,00	0,01	13/11/2019
5	Chì tổng (mg/L)	TCVN 6186 - 1996 (*)	0,72	4	13/11/2019
6	Clo dư (mg/L)	SMBW 4500 - Cl-P-2012	0,37	0,3 - 0,5	13/11/2019
7	Clo dư (mg/L)	SMBW 4500 - Cl-B-2012 (*)	18,00	300,00	13/11/2019
8	Độ cứng tổng cộng (tính theo CaCO ₃) (mg/L)	SMBW 2340C - 2012 (*)	240,00	350,00	13/11/2019
9	Độ đục (NTU)	SMBW 2130B - 2012	0,16	5	13/11/2019
10	Độ màu (màu sắc) (TCU)	SMBW 2150C - 2012 (*)	4,14	15	13/11/2019
11	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	13/11/2019
12	pH	TCVN 6493:2011 (*)	7,40	6,0 - 8,5	13/11/2019
13	Độ cứng tổng cộng (mg/L)	SMBW 3900-E - 2012	0,06	0,5	13/11/2019